

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2012

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	2 - 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	6 - 20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		99.509.403.217	105.470.973.138
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.648.029.754	23.795.657.409
1. Tiền	111		4.148.029.754	4.295.657.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.500.000.000	19.500.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	48.634.054.712	66.535.857.879
1. Đầu tư ngắn hạn	121		49.577.918.133	73.394.371.689
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(943.863.421)	(6.858.513.810)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.118.577.824	15.087.870.067
1. Phải thu khách hàng	131		5.334.854.578	12.956.090.252
2. Trả trước cho người bán	132		50.577.539	117.682.438
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	8.881.914.302	2.014.097.377
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(148.768.595)	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		108.740.927	51.587.783
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	63.740.927	10.587.783
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	45.000.000	41.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		59.972.987.602	61.361.037.800
II Tài sản cố định	220		265.451.912	386.922.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	247.951.912	354.422.743
- Nguyên giá	222		752.925.563	752.925.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(504.973.651)	(398.502.820)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	17.500.000	32.500.000
- Nguyên giá	228		60.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.500.000)	(27.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	29.210.314.500	29.210.314.500
1. Nguyên giá	241		29.210.314.500	29.210.314.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	30.450.000.000	31.744.370.212
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.000.000.000	14.320.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		17.450.000.000	17.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(75.629.788)
V. Tài sản dài hạn khác	260		47.221.190	19.430.345
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	47.221.190	19.430.345
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		159.482.390.819	166.832.010.938

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		4.058.392.460	8.631.980.610
I- Nợ ngắn hạn	310		4.028.392.460	8.631.980.610
2. Phải trả người bán	312		452.931.432	325.300
3. Người mua trả tiền trước	313		36.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	714.206.713	661.269.014
5. Phải trả người lao động	315		1.084.089.881	336.334.182
6. Chi phí phải trả	316		-	183.950.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	213.249.506	6.561.049.757
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.527.914.928	889.052.357
II- Nợ dài hạn	330		30.000.000	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		155.423.998.359	158.200.030.328
I- Vốn chủ sở hữu	410		155.423.998.359	158.200.030.328
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.13	22.834.332.577	22.834.332.577
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.13	(17.802.679.500)	(15.280.840.625)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	1.626.209.416	1.063.129.590
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	1.728.243.642	1.165.163.816
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.13	515.647.092	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	12.265.245.132	14.161.244.970
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		159.482.390.819	166.832.010.938

Kế toán Trưởng

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013
 Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Diệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV/2012

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	2,779,321,510	2,183,463,895	10,548,976,009	24,564,699,546
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,779,321,510	2,183,463,895	10,548,976,009	24,564,699,546
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.15	3,214,634,206	1,352,358,693	8,741,020,883	19,001,656,135
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(435,312,696)	831,105,202	1,807,955,126	5,563,043,411
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	3,835,098,607	5,789,689,875	14,000,537,245	19,890,444,967
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22		(1,170,786,024)	1,659,587,707	(3,007,730,432)	8,934,979,155
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	70,374,545
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,284,414,733	905,929,235	2,859,216,074	2,737,750,343
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,286,157,202	4,055,278,135	15,957,006,729	13,710,384,335
11.	Thu nhập khác	31		-	-	-	300,000,000
12.	Chi phí khác	32	5.18	2,750,001	-	568,864,639	-
13.	Lợi nhuận khác	40		(2,750,001)	-	(568,864,639)	300,000,000
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,283,407,201	4,055,278,135	15,388,142,090	14,010,384,335
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	743,979,299	439,089,015	3,682,765,532	2,748,787,825
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,539,427,902	3,616,189,120	11,705,376,558	11,261,596,510
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	236	318	1,090	886

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.388.142.090	14.010.384.335
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	121.470.831	135.760.254
- Các khoản dự phòng	03	(5.794.342.162)	2.261.872.610
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.065.956.401)	(11.255.465.812)
- Chi phí lãi vay	06	305.556	9.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.350.380.086)	5.161.551.387
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	886.316.882	(8.142.507.998)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	280.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.152.558.929)	1.806.313.618
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(27.790.845)	34.118.808
- Tiền lãi vay đã trả	13	(305.556)	(9.000.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.517.974.791)	(4.391.843.847)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	300.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.219.930.635)	(452.767.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.382.623.960)	(5.693.855.262)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(40.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	16.162.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(142.477.254.433)	(113.428.972.568)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	166.608.987.776	108.689.087.889
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.680.000.000)	(9.820.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.065.956.401	19.946.648.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.533.868.180	21.508.991.562
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.521.838.875)	(16.410.598.525)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	250.305.556	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(250.305.556)	(4.500.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.777.033.000)	(8.566.957.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.298.871.875)	(29.477.555.525)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	12.852.372.345	(13.662.419.225)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.795.657.409	37.458.076.634
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	36.648.029.754	23.795.657.409

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Diệp

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: EFI., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 là 134.257.000.000 đồng.

Sở Hữu vốn:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lã Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	1.250.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
Tổng	134.257.000.000	134.257.000.000

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2012 chủ yếu là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CON

Tên Công ty con : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;
Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng;
Tỉ lệ kiểm soát : 100%;
Ngành nghề : Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sản giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và súc tiến thương mại.
Trụ sở : Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 244/2009/TT - BTC của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm 2012</u> <u>(số năm)</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản CĐHH khác	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty này.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Công ty được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách của công ty con cũng có thể được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với chính sách kế toán của Công ty áp dụng.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 24 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tuy nhiên theo tiêu chí về Báo cáo bộ phận, hoạt động kinh doanh của Công ty không đáp ứng đầy đủ các điều kiện về Báo cáo bộ phận nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	140.464.579	101.608.597
Tiền gửi ngân hàng	4.007.565.175	4.194.048.812
Các khoản tương đương tiền	32.500.000.000	19.500.000.000
Tổng	36.648.029.754	23.795.657.409

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	7.399.022.621	16.979.085.910
Cho vay vốn ngắn hạn	42.178.895.512	56.415.285.779
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(943.863.421)	(6.858.513.810)
Tổng	48.634.054.712	66.535.857.879

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN/HN

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	546.989	5.511.437.649	677.500	6.890.425.375
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh (STC)	-	-	258.300	3.195.404.460
Công ty Cổ phần Phát hành Sách & Thiết bị trường học Hưng Yên (HST)	148.400	1.498.840.000	239.000	2.413.900.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	-	-	132.000	1.025.323.525
Các loại cổ phiếu khác	-	388.744.972	-	3.454.032.550
Tổng		7.399.022.621		16.979.085.910

Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.000.000.000	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	27.650.895.512	19.701.785.779
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	8.400.000.000	8.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	-	16.000.000.000
Cho vay Hợp tác Đầu tư	-	8.363.500.000
Các cá nhân khác	228.000.000	-
Tổng	42.178.895.512	56.415.285.779

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu ủy thác đầu tư	-	744.890.000
Phải thu hợp tác đầu tư (*)	8.363.500.000	-
Cổ tức phải thu	-	1.180.570.000
BHYT	12.452.142	-
BHTN	12.331.813	-
Dự án cầu giấy	75.000.000	-
Lãi cho vay vốn	222.033.125	-
Các khoản phải thu khác	196.597.222	88.637.377
Tổng	8.881.914.302	2.014.097.377

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN/HN

5.4 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	10.587.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	63.740.927	-
Tổng	63.740.927	10.587.783

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	5.000.000	1.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
Tổng	45.000.000	41.000.000

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị: VND</i>			
	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2012	587.034.280	152.646.783	13.244.500	752.925.563
Tăng trong kỳ	-	-	10.500.000	10.500.000
Tăng khác (Phân loại)	-	-	10.500.000	10.500.000
Giảm trong kỳ	-	10.500.000	-	10.500.000
Giảm khác (Phân loại)	-	10.500.000	-	10.500.000
Số dư tại 31/12/2012	587.034.280	142.146.783	23.744.500	752.925.563
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2012	281.287.248	107.502.929	9.712.643	398.502.820
Tăng trong kỳ	73.379.285	25.192.646	10.523.900	109.095.831
Khấu hao trong kỳ	73.379.285	25.192.646	7.898.900	106.470.831
Tăng khác (phân loại)	-	-	2.625.000	2.625.000
Giảm trong kỳ	-	2.625.000	-	2.625.000
Giảm khác (phân loại)	-	2.625.000	-	2.625.000
Số dư tại 31/12/2012	354.666.533	130.070.575	20.236.543	504.973.651
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2012	305.747.032	45.143.854	3.531.857	354.422.743
Tại 31/12/2012	232.367.747	12.076.208	3.507.957	247.951.912

Tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng đến 31/12/2012 là 67.482.705 đồng.

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phân ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

5.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng
- Lô E5 Ven biển Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty liên doanh, liên kết	-	13.000.000.000		14.320.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam	-	13.000.000.000	-	14.320.000.000
Đầu tư dài hạn khác	520.000	17.450.000.000	525.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
Viện Công nghệ Giáo dục	-	-	5.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	-	11.500.000.000	-	11.500.000.000
Tổng		30.450.000.000		31.820.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	-	75.629.788
Tổng cộng	-	30.450.000.000	-	31.744.370.212

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	19.430.345	53.549.153
Tăng	54.327.272	12.090.909
Phân bổ vào chi phí	26.536.427	46.209.717
Tại ngày cuối năm	47.221.190	19.430.345
	31/12/2012	01/01/2012
Chi tiết chi phí trả trước dài hạn	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	47.221.190	19.430.345
Tổng	47.221.190	19.430.345

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN/HN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	24.229.004	111.029.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	643.740.231	478.949.490
Thuế thu nhập cá nhân	46.237.478	71.290.314
Tổng	714.206.713	661.269.014

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	67.397.594	47.352.276
Bảo hiểm xã hội	78.062.912	39.876.481
Bảo hiểm y tế	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.789.000	6.473.821.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>8.858.000</i>	<i>-</i>
<i>Lãi ủy thác đầu tư vào Công ty cổ phần IP</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTPT XD và Viễn thông (ủy thác đầu tư)</i>	<i>-</i>	<i>5.670.000.000</i>
<i>Ngạc Đình Ước (ủy thác Đầu tư)</i>	<i>-</i>	<i>744.890.000</i>
Tổng	213.249.506	6.561.049.757

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a – DN/HN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	134.257.000.000	22.834.332.577	(2.549.028.525)	535.964.300	637.998.526	-	13.869.873.600	169.586.140.478
Tăng trong kỳ	-	-	(12.731.812.100)	527.165.290	527.165.290	-	11.261.596.510	(415.885.010)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	11.261.596.510	11.261.596.510
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	527.165.290	527.165.290	-	-	1.054.330.580
Tăng khác (mua cổ phiếu quỹ)	-	-	(12.731.812.100)	-	-	-	-	(12.731.812.100)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	10.970.225.140	10.970.225.140
PP LN vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.403.268.140	2.403.268.140
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	8.566.957.000	8.566.957.000
Số dư tại 30/6/2011	134.257.000.000	22.834.332.577	(15.280.840.625)	1.063.129.590	1.165.163.816	-	14.161.244.970	158.200.030.328
Số dư tại 01/01/2012	134.257.000.000	22.834.332.577	(15.280.840.625)	1.063.129.590	1.165.163.816	-	14.161.244.970	158.200.030.328
Tăng trong kỳ	-	-	(2.521.838.875)	563.079.826	563.079.826	895.580.417	11.741.079.916	11.240.981.110
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	563.079.826	563.079.826	317.728.175	-	1.443.887.827
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	11.705.376.558	11.705.376.558
Tăng khác	-	-	-	-	-	8.138.889	-	8.138.889
Tăng (chi mua cổ phiếu quỹ)	-	-	(2.521.838.875)	-	-	-	-	(2.521.838.875)
Tạm trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	569.713.353	-	569.713.353
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	35.703.358	35.703.358
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	379.933.325	13.637.079.754	14.017.013.079
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.711.762.048	1.711.762.048
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	10.785.891.000	10.785.891.000
Chi thưởng, chi quỹ khác	-	-	-	-	-	291.233.325	-	291.233.325
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	88.700.000	-	88.700.000
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2012	-	-	-	-	-	-	569.713.353	569.713.353
Tạm trích quỹ thưởng Ban điều hành 2012	-	-	-	-	-	-	569.713.353	569.713.353
Số dư tại 31/12/2012	134.257.000.000	22.834.332.577	(17.802.679.500)	1.626.209.416	1.728.243.642	515.647.092	12.265.245.132	155.423.998.359

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a – DN/HN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2012**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	1.250.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
Tổng	134.257.000.000	134.257.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.785.891.000	8.566.957.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.425.700	13.425.700
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.683.700	2.220.800
Cổ phiếu phổ thông	2.683.700	2.220.800
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.742.000	11.204.900
Cổ phiếu phổ thông	10.742.000	11.204.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	16.162.727.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.548.976.009	8.401.972.273
Tổng	10.548.976.009	24.564.699.546

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a – DN/HN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	15.140.864.909
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.741.020.883	3.860.791.226
Tổng	8.741.020.883	19.001.656.135

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.311.184.213	16.426.127.474
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.452.929.776	303.770.989
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.225.044.600	3.158.046.466
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.378.656	-
Phí cam kết mua cổ phần, phí ủy thác đầu tư	-	2.500.038
Tổng	14.000.537.245	19.890.444.967

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	305.556	9.000.000
Lỗ đầu tư cổ phiếu	2.934.580.844	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	2.173.959.241
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(5.943.110.757)	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	493.925	6.752.019.914
Tổng	(3.007.730.432)	8.934.979.155

5.18 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác	-	300.000.000
Thu nhập khác (tiền đền bù do vi phạm hợp đồng)	-	300.000.000
Chi phí khác	568.864.639	-
Chi phí khác	568.864.639	-
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(568.864.639)	300.000.000

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.388.142.090	14.010.384.335
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	568.864.639	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	1.225.944.600	3.150.746.466
Lợi nhuận tính thuế	14.731.062.129	10.859.637.869
Lợi nhuận kinh doanh bất động sản	-	1.021.862.364
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.731.062.129	9.837.775.505
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập hiện hành	3.682.765.532	2.748.787.825

5.20 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	11.705.376.558	11.261.596.510
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.705.376.558	11.261.596.510
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.748.747	12.710.887
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.089	886

5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.341.012	222.390.665
Chi phí nhân công	5.434.792.395	3.144.134.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.346.196	137.646.618
Thuế phí và lệ phí	289.129.710	13.926.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.487.548.321	2.190.879.560
Chi phí khác bằng tiền	1.075.079.323	959.938.018
Tổng	11.600.236.957	6.668.916.114

6. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens và báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2011 của Công ty.

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Điệp